

Bản án số: 28/2018/DS-ST
Ngày 23 - 4 - 2018
V/v tranh chấp “ Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018, về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Duy T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 52/8 đường LTT, khóm 2, phường 4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Duy T là anh Trương L, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Số 45 đường LTT, khóm 1, phường 2, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Đinh Văn T1 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 và bản tự khai ngày 20/4/2018 nguyên đơn anh Đỗ Duy T trình bày:*

Ngày 07/8/2017 anh T1 đến cơ sở kinh doanh của anh đặt mua sản phẩm nhôm kiềng tổng số tiền 43.750.000 đồng.

Ngày 14/8/2017 anh T giao cho anh T1 một số sản phẩm với tổng trị giá 30.050.000 đồng, anh T yêu cầu anh T1 thanh toán tiền thì anh T1 yêu cầu anh giao đủ trị giá sản phẩm nêu trên thì anh T1 mới thanh toán tiền, anh T đồng ý. Cụ thể danh mục sản phẩm giao cho anh T1 gồm: 01 tủ áo bằng nhôm đổ sơn cao 2m giá 2.700.000 đồng, 01 tủ áo bằng nhôm đổ gỗ cao 2m giá 2.800.000 đồng, 01 tủ áo bằng nhôm đổ vàng cao 2m giá 2.800.000 đồng, 01 tủ áo bằng nhôm bo sơn cao 2m giá 2.200.000 đồng, 01 tủ phê bằng nhôm đổ sơn

cao 1,6m giá 2.100.000 đồng, 01 tủ phê bằng nhôm đổ gỗ cao 1,6m giá 2.200.000 đồng, 01 tủ phê bằng nhôm đổ vàng cao 1,8m giá 2.300.000 đồng, 01 tủ phê bằng nhôm đổ gỗ cao 1,8m giá 2.300.000 đồng, 2 tủ bếp bằng nhôm cao 1,2m sơn thường giá 850.000 đồng/cái x 2 cái = 1.700.000 đồng, 2 tủ bếp bằng nhôm cao 1,2m đổ gỗ giá 1.250.000 đồng/cái x 2 = 2.500.000 đồng, 03 bàn học sinh bằng nhựa cao 1m giá 1.150.000 đồng/ cái x 3 = 3.450.000 đồng, 03 bàn học sinh bằng nhựa cao 0,8m giá 1.000.000 đồng/cái x 3 = 3.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2017 anh T giao thêm số sản phẩm tổng trị giá 13.700.000 đồng để đủ số hàng trị giá 43.750.000 đồng thì anh T1 hẹn vài ngày sẽ trả, anh T nhiều lần đến tìm anh T1 để nhận tiền thì anh T1 nhiều lần hứa hẹn. Các sản phẩm giao thêm gồm: 01 tủ phê đổ gỗ cao 1,6m giá 2.200.000 đồng, 01 tủ phê đổ sơn cao 1,6m giá 2.100.000 đồng, 01 tủ phê đổ gỗ cao 1,8m giá 2.300.000 đồng, 01 tủ chén sơn 1,2m giá 1.700.000 đồng, 01 tủ chén đồ gỗ 1,2m giá 1.800.000 đồng, 02 bàn học sinh 1m giá 1.150.000 đồng/cái x 2 = 2.300.000 đồng, 01 tủ bếp đồ gỗ 1,2m giá 1.300.000 đồng.

Ngày 23/9/2017 anh T có đến cơ sở của anh T1 để lấy hàng về thì anh T trả cho anh số hàng nêu trên tổng cộng trị giá là 28.850.000 đồng, còn lại 14.900.000 đồng anh T1 có ghi giấy nợ cho anh T và hẹn ngày 06/8/2017 âm lịch (nhằm ngày 25/9/2017 dương lịch) sẽ trả cho anh T nhưng không thực hiện. Nay anh T yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền còn lại là 14.900.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày 25/9/2017 cho đến khi thanh toán xong số tiền vốn. Tính đến ngày 18/12/2017 anh T1 phải trả cho anh T cụ thể $14.900.000 \text{ đồng} \times 85 \text{ ngày} \times 10\% = 346.986 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của anh T là anh Trương L vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện của anh T và trình bày: Thời gian bắt đầu hợp đồng mua bán từ ngày 07/8/2017, quá trình mua bán không có lập hợp đồng bằng văn bản, mà chỉ thỏa thuận anh T1 đến lấy hàng thì cửa hàng KL do anh T làm chủ xuất hóa đơn liệt kê các loại hàng anh T1 mua và tính tiền trên hóa đơn.

Nay anh T yêu cầu anh T1 phải trả cho anh T số tiền còn nợ là 14.900.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày 25/9/2017 cho đến ngày xét xử là ngày 23/4/2018 theo mức lãi 10%/năm. Ngoài ra anh T không yêu cầu gì khác.

* Đối với bị đơn anh Đinh Văn T1: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T1 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra anh T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đinh Văn T1 đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T1 vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2] Xét về quan hệ tranh chấp: Thấy rằng quan hệ mua bán sản phẩm nhôm kiếng giữa cửa hàng nhôm kiếng KL do anh T làm đại diện và anh Đinh Văn T1 là thực tế có xảy ra. Giao dịch này được thể hiện tại các phiếu tính tiền ngày 14/8/2017, 11/9/2017, 23/9/2017 và Giấy hẹn ngày 23/9/2017 của anh Đinh Văn T1.

[3] *Xét về nội dung tranh chấp*: Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa anh L trình bày thời gian anh T1 bắt đầu giao dịch mua bán với anh T là ngày 07/8/2017 các lần giao dịch đều không ký hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói giữa hai bên. Các lần anh T1 đến nhận hàng thì cửa hàng KL ghi từng loại sản phẩm và tính tiền trên phiếu tính tiền. Sau các lần nhận hàng anh T1 không thanh toán cho anh T nên anh T có đến nhận hàng về trị giá 28.850.000 đồng còn lại một số mặt hàng trị giá 14.900.000 đồng anh T1 có làm giấy hẹn đến ngày 6/8/2017 âm lịch nhằm ngày 25/9/2017 dương lịch trả cho anh T nhưng không thực hiện việc trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy văn bản ngày 23/9/2017 không đề tựa có ghi “23/9/2017 tôi Đinh Văn T1 hẹn anh T Cà Mau 6/8/2017 trả 14.900.000 T1 Đinh Văn T1” nội dung văn bản này thể hiện anh 1 có nợ anh T 14.900.000 đồng. Mặc khác, anh T1 không phản đối cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, có căn cứ xác định anh T1 còn nợ lại anh T số tiền là 14.900.000 đồng và buộc anh T1 phải có nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa, anh Trương L yêu cầu tính lãi từ ngày 25/9/2017 (dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/4/2018 bằng 10%/năm.

Xét yêu cầu của nguyên đơn cũng như lời trình bày của người đại diện ủy quyền xác định mốc thời gian để bắt đầu tính lãi từ ngày 25/9/2017 là có căn chấp nhận. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Do đó, kể từ ngày 25/9/2017 anh T1 không thanh toán cho anh T số tiền nợ còn lại nên phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất tính từ ngày 25/9/2017 đến ngày 23/4/2018 - ngày xét xử sơ thẩm được tính: 14.900.000đ x 10%/năm x 6 tháng 29 ngày = 864.997 đồng.

Như đã phân tích trên, anh T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T số tiền là 14.900.000 đồng và lãi suất là 864.997 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Anh T1 phải chịu tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vicác lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh Đinh Văn T1 phải trả cho anh Đỗ Duy T tổng số tiền là 15.764.997 đ (Mười lăm triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Văn T1 phải chịu 788.249đ (Bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng). Anh Đỗ Duy T không phải chịu án phí,

ngày 08 tháng 01 năm 2018 anh Đỗ Duy Tâm đã dự nộp số tiền 381.000 đồng theo biên lai thu số 0009447 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Biện Thị Nhung